

Bản án số: 07/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 20/3/2020.

V/v: ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Ánh Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Tám;

2. Bà Lý Thị Bé Năm.

- Thư ký phiên tòa: ông Phạm Văn Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 20 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 439 /2019/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2019, về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Trần Thị P, sinh năm 1973.

Địa chỉ: ấp T, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: ông Nguyễn Tấn H, sinh năm 1972.

Địa chỉ: ấp T, xã H, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Chỗ ở hiện nay: ấp Th, xã H, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Bà P và ông H có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay của nguyên đơn bà Trần Thị P trình bày: bà và ông Nguyễn Tấn H chung sống với nhau vào năm 1997 đến nay chưa đăng ký kết hôn. Năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, cuối năm 2016 đến nay không còn quan tâm lẫn nhau.

- Con chung:

Giữa bà và ông H có 01 con chung tên Nguyễn Tấn Đ sinh năm 2000.

Bà P yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ giữa bà với ông Nguyễn Tấn H là vợ chồng.

Con chung: đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết

Tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn, ông Nguyễn Tấn H trình bày: Ông với bà Trần Thị P có tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 1997 cho đến nay chưa đăng ký kết hôn. Ông và bà P có mua đất cất nhà ở chung hiện bà P đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông chấp nhận ly hôn theo yêu cầu của bà P do không thể chung sống với nhau được nữa.

Con chung tên Nguyễn Tấn Đạt, sinh năm 2000 đã trưởng thành.

Tài sản chung: có 01 căn nhà cấp 4 và 1.500 m² đất vườn, yêu cầu Tòa án giải quyết thỏa đáng về tài sản.

Tòa án đã giải thích cho ông H về quyền yêu cầu chia tài sản chung theo quy định nhưng ông H không có đơn yêu cầu giải quyết.

* Tại phiên tòa, bà Trần Thị P và ông Nguyễn Tấn H trình bày thống nhất: ông, bà sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1997 đến nay không đăng ký kết hôn, do phát sinh nhiều mâu thuẫn nên hai bên đã chấm dứt quan hệ, không còn chung sống với nhau và yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định của pháp luật; con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Giữa bà Trần Thị P và ông Nguyễn Tấn H chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1997, có đủ điều kiện kết hôn mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên không được công nhận là vợ chồng.

[2]. Về con chung: bà P và ông H trình bày thống nhất giữa hai người có 01 con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động, không yêu cầu giải quyết.

[3]. Tài sản chung:

Tại phiên tòa, bà P và ông H trình bày thống nhất không yêu cầu giải quyết.

[4]. Về án phí: bà P phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

*** Căn cứ vào:**

- Các Điều 8, 14 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Xử:**

1- Không công nhận quan hệ giữa bà Trần Thị P và ông Nguyễn Tấn H là vợ chồng.

2- Án phí: bà P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0286 ngày 06/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy nên bà P không phải nộp tiếp tiền án phí.

3- Quyền kháng cáo: bà P và ông H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Tiền Giang;
- VKSND TX Cai Lậy;
- Chi cục THADS TX Cai Lậy;
- Các đương sự: P, H;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

HỒ THỊ ÁNH TUYẾT